|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …../2024/NQ-HĐND**DỰ THẢO**  | *Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2024* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XIX**

**KỲ HỌP THỨ ……………..**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ, về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luât Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;*

*Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các – bon và khí mê – tan của ngành giao thông vận tải.*

*Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.*

*Xét Tờ trình số …./TTr-UBND ngày …. tháng 12 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, về việc ban hành Nghị quyết Quy định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số ……../BC-HĐND ngày ….. tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2. Tổ chức, cá nhân liên quan sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 3**. **Mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng băng xe buýt**

1. Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất: Theo giá trị hợp đồng vay vốn dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nhưng tối đa không vượt quá tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất sẽ giảm dần theo thời gian cam kết hoàn trả gốc vay được cụ thể trong hợp đồng vay vốn.

2. Mức hỗ trợ lãi suất: Bằng 50% lãi suất vay trong hạn tại các tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế.

3. Thời gian hỗ trợ lãi suất: Là thời gian cho vay nợ của các tổ chức tín dụng nhưng tối đa không quá 10 năm.

4. Nguyên tắc hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ, trình tự, thủ tục và các nội dung liên quan đến hỗ trợ lãi suất. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số [02/2016/TT-BTC n](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=02/2016/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)gày 06/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số [13/2015/QĐ-](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=13/2015/Q%C4%90-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) [TTg n](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=13/2015/Q%C4%90-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)gày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

**Điều 4. Cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

1. Áp dụng hỗ trợ các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt hoạt động vận chuyển hành khách.

 2. Mức hỗ trợ chi phí: Bằng chênh lệch âm giữa doanh thu thực tế và chi phí định mức của từng tuyến.

 a) Doanh thu thực tế là doanh thu từ bán vé tháng, vé lượt và doanh thu khác có liên quan đến hoạt động xe buýt (quảng cáo, dịch vụ chuyển phát nhanh …);

 b) Chi phí định mức gồm: Chi phí trực tiếp theo định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; chi phí quản lý tính bằng 10% chi phí trực tiếp; lợi nhuận định mức tính bằng 4% chi phí trực tiếp

 c) Sở Giao thông vận tải trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công bố: Định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đối với các tuyến có trợ giá.

**Điều 5.** **Mức hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

1. Miễn tiền vé cho các đối tượng: Trẻ em dưới 06 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng.

2. Hỗ trợ 30% giá vé cho các đối tượng: Người có công với cách mạng, người cao tuổi, học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam.

3. Điều kiện để được miễn, giảm giá vé:

a) Người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng; người có công với cách mạng phải xuất trình giây tờ có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

b) Người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên theo quy định của Luật người cao tuổi): Phải xuât trình căn cước công dân hoặc giấy tờ hợp pháp khác chứng minh là người cao tuổi.

c) Học sinh, sinh viên phải có thẻ học sinh, thẻ sinh viên hoặc các giấy tờ hợp pháp khác.

**Điều 6. Nguồn kinh phí hỗ trợ**

Kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 8. Hiệu lực thi hành**

 Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ ….. thông qua ngày ….. tháng ….. năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **CHỦ TỊCH** |
| - Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Chính phủ; - Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ; - Các Bộ: Tài chính, Công an; - Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính; - Cục Pháp chế và CCHC Tư pháp- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp; - Thường trực Tỉnh uỷ; - Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; - Ủy ban nhân dân tỉnh; - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; - Uỷ ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; - Các Ban của HĐND tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh; - Các sở, ban, ngành, của tỉnh; - Các Văn phòng: Tỉnh uỷ; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh; - Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố; - Báo Tuyên Quang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; - Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Công báo Tuyên Quang; - Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; - Lưu: VT, (…). | **Lê Thị Kim Dung** |